



NGÂN HÀNG NAM Á

Hội Sở

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
[T] 08. 3929 6699 - [F] 08. 3929 6688 - [Hotline] 1900 6679
[W] www.namabank.com.vn - [Swift Code] NAMAVNVX

TRUNG TÂM THANH TOÁN

Số: 01/2015/TB- NHNA-TTTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2015

THÔNG BÁO

(V/v Cập nhật Danh sách ngân hàng đại lý đến 05.01.2015)

Kinh gửi : - **GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM/ TRƯỞNG PHÒNG BAN HỘI SỞ.**
- **GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KINH DOANH**
- **GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH.**

Để thuận tiện trong giao dịch và phục vụ khách hàng, Trung Tâm Thanh Toán xin thông báo Danh sách ngân hàng đại lý được cập nhật đến 05/01/2015, danh sách bao gồm :

- Số lượng ngân hàng : **330.**
- Quốc gia và vùng lãnh thổ : **73.**

(Chi tiết vui lòng xem danh sách đính kèm).

Trong quá trình thực hiện nếu có thắc mắc, vui lòng liên hệ Trung Tâm Thanh Toán để được hướng dẫn thêm.

Trân trọng kính chào.

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ LAN ANH

LIST OF CORRESPONDENT BANKS
(updated on 05 Jan 2015)

No.	BANK'S NAME	SWIFT CODE
ANTIGUA AND BARBUDA		
1	THE BANK OF NOVA SCOTIA, ST. JOHN'S	NOSCAGAG
ANGUILLA		
1	SCOTIABANK ANGUILLA LTD, THE VALLEY	NOSCAIAI
ARGENTINA		
1	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD., THE, BUENOS AIRES BRANCH	BOTKARBA
AUSTRALIA		
1	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD., THE, SYDNEY BRANCH	BOTKAU2X
2	BNP PARIBAS AUSTRALIA, SYDNEY	BNPAAU2S
3	CITIBANK LIMITED, SYDNEY	CITIAU2X
4	CITIBANK N.A, SYDNEY	CITIAUSX
5	CITIGROUP PTY LIMITED, MELBOURNE	CITIAU3X
6	COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA, SYDNEY	CTBAAU2S
7	KEB (KOREA EXCHANGE BANK) AUSTRALIA LTD, SYDNEY	KOEXAU2S
8	SUMITOMO MITSUI BANKING CORP., SYDNEY	SMBCAU2S
AUSTRIA		
1	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ (HOLLAND) N.V., VIENNA BRANCH	BOTKATWX
2	RAIFFEISEN BANK INTERNATIONAL AG, VIENNA	RZBAATWW
BAHAMAS		
1	BANK OF NOVA SCOTIA TRUST COMPANY (BAHAMAS), NASSAU	NOSCBSNT
2	SCOTIABANK (BAHAMAS) LTD., NASSAU	NOSCBSNS
BAHRAIN		
1	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD., THE, BAHRAIN BRANCH	BOTKBHBM
2	KOREA EXCHANGE BANK, BAHRAIN BRANCH	KOEXBHBM
3	WOORI BANK, MANAMA	HVBKBHBM
BANGLADESH		
1	WOORI BANK, DHAKA	HVBKBDDH
BARBADOS		
1	THE BANK OF NOVA SCOTIA , BRIDGE TOWN	NOSCBBBB
BELGIUM		

1	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD., THE, BRUSSELS BRANCH	BOTKBEBX
2	MIZUHO CORP. BANK NEDERLAND N.V. BRUSSELS BRANCH (ats)	MHCBBEBB
3	SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION, BRUSSELS	SMBCBEBB
4	THE BANK OF NEW YORK MELLON SA/NV, BRUSSELS	IRVTBEBB
BELIZE		
1	SCOTIABANK (BELIZE) LTD., BELIZE CITY	NOSCBZBS
BOSNIA AND HERZEGOVINA		
1	RAIFFEISEN BANK D.D. BOSNA I HERZEGOVINA, SAJAJEVO (ats)	RZBABA2S
BRAZIL		
1	BANCO DE TOKYO-MITSUBISHI UFJ BRASIL S/A, SAO PAULO	BOTKBRSX
2	BANCO KEB DO BRASIL S.A, SAO PAULO	KOEXBRSP
3	BANCO BNP PARIBAS BRASIL S/A, SAO PAULO	BNPABRSP
4	BANCO PAULISTA S.A, SAO PAULO	PAULBRSP
5	ESTRATEGIA INVESTIMENTOS S/A CVC, RIO DE JANEIRO	ESTRBRRJ
CAMBODIA		
1	ACLEDA BANK PLC, PHNOM PENH	ACLBKHPH
2	BANK OF CHINA LIMITED, PHNOM PENH BRANCH	BKCHKHPH
3	FOREIGN TRADE BANK OF CAMBODIA, PHNOM PENH	FTCKKHPH
4	KOOKMIN BANK CAMBODIA PLC	CZNBKHPH
5	VATTANAC BANK, PHNOM PENH	VBLCKHPH
CANADA		
1	BANK OF NOVA SCOTIA (ALL OFFICES IN CANADA), TORONTO	NOSCCATT
2	BNP PARIBAS CANADA, MONTREAL	BNPACAMM
3	KOREA EXCHANGE BANK OF CANADA, TORONTO	KOEXCATT
CAYMAN ISLAND		
1	BANK OF NOVA SCOTIA, GEORGETOWN	NOSCKYKG
2	SCOTIA BANK AND TRUST (CAYMAN) LTD, GEORGETOWN	NOSCKYKX
CHILE		
1	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD., THE, SANTIAGO BRANCH	BOTKCLRM
CHINA		
1	BANK OF COMMUNICATIONS (HEAD OFFICE), SHANGHAI	COMMNSH
2	BANK OF JIANGSU CO. LTD., NANJING CN	BOJSCNBN
3	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ (CHINA), LTD, SHANGHAI BRANCH	BOTKCNSH
4	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ (CHINA), LTD., SHENZHEN BRANCH	BOTKCNBS
5	BNP PARIBAS (CHINA) LTD (BEIJING BRANCH)	BNPACNBJ
6	BNP PARIBAS (CHINA) LTD (GUANGZHOU BRANCH)	BNPACN22

7	BNP PARIBAS (CHINA) LTD (TIANJIN BRANCH)	BNPACNBT
8	BNP PARIBAS (CHINA) LTD, SHANGHAI	BNPACNSH
9	BNP PARIBAS SHANGHAI BRANCH	BNPACNS8
10	CHENGDU RURAL COMMERCIAL BANK, CHENGDU	CDRCCNBC
11	CHINA CONSTRUCTION BANK CORPORATION, BEIJING	PCBCCNBJ
12	CHINA EVERBRIGHT BANK, HEAD OFFICE, BEIJING	EVERCNBJ
13	COMMERZBANK AG, SHANGHAI BRANCH	COBACNSX
14	COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA, SHANGHAI BRANCH	CTBACNSH
15	FIRST SINO BANK, SHANGHAI	FSBCCNSH
16	GUANGDONG HUAXING BANK CO.,LTD, GUANGZHOU	GDHBCN22
17	HANA BANK (CHINA) COMPANY LIMITED	HNBNCNBJ
18	INDUSTRIAL AND COMMERCIAL BANK OF CHINA, BEIJING	ICBKCNBJ
19	KEB BANK (CHINA) CO., LTD, TIANJIN	KOEXCNBC
20	KOREA EXCHANGE BANK, BEIJING BRANCH	KOEXCNBJ
21	KOREA EXCHANGE BANK, DALIAN BRANCH	KOEXCNBD
22	KOREA EXCHANGE BANK SHANGHAI BRANCH	KOEXCNSH
23	KOREA EXCHANGE BANK, TIANJIN BRANCH	KOEXCNBT
24	NANXUN BANK, HUZHOU	NXBKCNBH
25	RAIFFEISEN BANK INTERNATIONAL AG, BEIJING	RZBACNBJ
26	SUMITOMO MITSUI BANKING CORP.(CHINA) LTD GUANGZHOU BRANCH	SMBCCN22
27	SUMITOMO MITSUI BANKING CORP.(CHINA) LTD HANGZHOU BRANCH	SMBCCN2H
28	SUMITOMO MITSUI BANKING CORP.(CHINA) LTD SUZHOU BRANCH	SMBCCNSU
29	SUMITOMO MITSUI BANKING CORP.(CHINA) LTD TIANJIN BRANCH	SMBCCNBT
30	SUMITOMO MITSUI BANKING CORP.(CHINA) LTD, SHANGHAI	SMBCCNSH
31	SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION (CHINA) LTD, BEIJING	SMBCCNBJ
32	SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION (CHINA) LTD, SHENZHEN	SMBCCNBS
33	THE BANK OF NEW YORK MELLON, SHANGHAI BRANCH	IRVTCNSH
34	THE BANK OF NOVA SCOTIA GUANGZHOU	NOSCCN22
35	WELLS FARGO BANK, NA, SHANGHAI BRANCH	PNBPCNSH
36	WOORI BANK (CHINA) LIMITED, BEIJING	HVBKCNBJ
37	YINZHOU BANK, NINGBO	YZBKCN2N
38	ZHEJIANG PINGHU RURAL COOPERATIVE BANK, PINGHU	PHRCCNSH
COLOMBIA		
1	SCOTIABANK COLOMBIA S.A., BOGOTA	NOSCCOBB
COSTA RICA		
1	SCOTIABANK DE COSTA RICA, SANJOSE	NOSCCRSJ